

Số: 1951 /BT-TT-UDCNTT

V/v hướng dẫn lập dự toán chi phí khảo sát dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2013

Kính gửi:

- Đơn vị chuyên trách về CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Đơn vị chuyên trách về CNTT của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

Căn cứ Quyết định số 993/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Nhằm thống nhất và chuẩn hóa công tác lập dự toán chi phí khảo sát dự án ứng dụng CNTT, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn lập dự toán chi phí khảo sát kèm theo văn bản này để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng vào việc xác định chi phí khảo sát phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) để được hướng dẫn giải quyết.

Trân trọng *./*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, UDCNTT(TTTVHT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hồng

HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Công văn số: 1954/BTTTT-UDCNTT
ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Hướng dẫn chung

1.1. Chi phí khảo sát là toàn bộ chi phí cần thiết để hoàn thành công việc khảo sát bao gồm: Chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, chi phí khác, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng.

Các nội dung, định mức chi phí tại Hướng dẫn này là định mức tối đa để áp dụng, căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, Chủ đầu tư xem xét quyết định việc áp dụng định mức chi phí để xác định chi phí khảo sát dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Trường hợp dự án có quy mô, tính chất đặc thù, định mức chi phí khảo sát tại Hướng dẫn này không phù hợp, Chủ đầu tư có thể tự đưa ra quy trình khảo sát, số lượng chuyên gia, số lượng ngày công, định mức máy sử dụng phù hợp với yêu cầu của công việc khảo sát hoặc lập dự toán để xác định chi phí.

1.2. Các hạng mục khảo sát quy định tại Hướng dẫn này được phân loại như sau:

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án ứng dụng công nghệ thông tin gồm:

+ Hạng mục phần cứng máy tính (router, access point, firewall, máy tính cá nhân, thiết bị lưu trữ, thiết bị in ấn, thiết bị lưu điện và thiết bị ngoại vi khác, phần mềm thương mại,...; cáp truyền dẫn, vật liệu kết nối, máy chủ);

+ Hạng mục mạng máy tính (mạng LAN, WAN, MAN, mạng máy tính khác,...).

- Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu: hạng mục phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ, tạo lập và phát triển cơ sở dữ liệu.

Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục khảo sát thì chi phí khảo sát được xác định riêng theo từng hạng mục sau đó cộng tổng để tính chi phí khảo sát chung của cả dự án.

1.3. Điểm khảo sát là cơ quan, tổ chức, đơn vị được Chủ đầu tư phê duyệt trong Nhiệm vụ khảo sát.

1.4. Định mức máy sử dụng: Là mức quy định số ca máy sử dụng trực tiếp phục vụ công tác khảo sát dự án CNTT; tính bằng số lượng ca máy; đối với một số loại máy khác ít sử dụng, giá trị không lớn thì được tính bằng tỷ lệ % so với máy chính.

2. Hướng dẫn lập dự toán chi phí khảo sát

Bảng số 1: BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ KHẢO SÁT

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I.	CHI PHÍ CHUYÊN GIA			Ccg
1.	Chi phí xây dựng Phương án điều tra khảo sát			C1
2.	Chi phí lập mẫu phiếu khảo sát			C2
3.	Chi phí thực hiện khảo sát			C3
4.	Chi phí lập Báo cáo kết quả điều tra khảo sát			C4
	Chi phí chuyên gia	$C1+C2+C3+C4$		Ccg
II.	CHI PHÍ QUẢN LÝ	$Ccg * \text{tỷ lệ}$		Cql
III.	CHI PHÍ KHÁC			Ck
IV.	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(Ccg+Cql+Ck)*\text{tỷ lệ}$		TL
	Chi phí khảo sát trước thuế	$(Ccg+Cql+Ck+TL)$		G
V.	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times T^{GTGT}$		GTGT
VI.	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	$\%*(G+GTGT)$		Cdp
	TỔNG CỘNG	$G + GTGT+Cdp$		

2.1. Chi phí chuyên gia bao gồm các chi phí cho chuyên gia để thực hiện các công việc: xây dựng phương án điều tra khảo sát, lập mẫu phiếu khảo sát, thực hiện khảo sát, lập Báo cáo kết quả điều tra khảo sát.

Công thức xác định chi phí chuyên gia:

$$Ccg = C1 + C2 + C3 + C4$$

Trong đó:

- C1: Chi phí xây dựng phương án điều tra khảo sát, áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành.

- C2: Chi phí lập mẫu phiếu khảo sát, áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành.

- C3: Chi phí thực hiện khảo sát là chi phí thuê chuyên gia thực hiện khảo sát. Được xác định theo số lượng chuyên gia, thời gian làm việc của chuyên gia và tiền lương của chuyên gia.

Số lượng chuyên gia được xác định theo yêu cầu cụ thể của từng loại công việc khảo sát, yêu cầu về tiến độ thực hiện công việc khảo sát, phù hợp với định mức được quy định trong Bảng số 2 Số lượng chuyên gia thuê thực hiện khảo sát.

Bảng số 2: Số lượng chuyên gia thuê thực hiện khảo sát

STT	Hạng mục khảo sát	Số lượng ngày công thực hiện khảo sát (ngày công/ Hạng mục/ người)	Số lượng chuyên gia thực hiện khảo sát (người/ điểm khảo sát)	Mức tiền công chuyên gia điều tra khảo sát
1.	Hạng mục phần cứng máy tính	3	3	Áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành
2.	Hạng mục mạng máy tính	3	3	
3.	Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu	4	3	

Ghi chú: Đối với dự án mở rộng hoặc nâng cấp thì định mức được nhân hệ số 1,2.

- C4: Chi phí lập Báo cáo kết quả điều tra khảo sát, áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành.

2.2. Chi phí quản lý: Chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn, chi phí văn phòng làm việc và chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của chuyên gia tư vấn.

Chi phí quản lý được xác định bằng 45 - 55% chi phí chuyên gia.

- Đối với các dự án triển khai tại vùng núi, biên giới, hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí quản lý sẽ được điều chỉnh với hệ số từ 1,05 đến 1,1 do Chủ đầu tư quyết định tùy điều kiện cụ thể của dự án.

2.3. Chi phí khác gồm: Chi phí máy sử dụng; chi phí đi lại, ăn ở của chuyên gia; công tác phí (đối với trường hợp tự thực hiện); chi phí cho đối tượng cung cấp thông tin; chi phí văn phòng phẩm (giấy, mực, bút); chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác (nếu có).

2.3.1. Chi phí máy sử dụng: Căn cứ vào số ca máy sử dụng trực tiếp phục vụ công tác khảo sát.

Bảng số 3: Định mức máy sử dụng phục vụ công tác khảo sát

Đơn vị tính: 1 Hạng mục

Thành phần hao phí	Đơn vị	Hạng mục phần cứng máy tính	Hạng mục mạng máy tính	Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu
+ Máy sử dụng				
- Máy tính	ca	4	4	6
- Máy ảnh KTS	ca	4	4	6
- Máy in A3	ca	0,55	0,6	0,32
- Máy in A4	ca	0,5	0,5	0,55
- Máy ghi âm chuyên dụng	ca	1	1	2
- Máy phô tô	ca	0,22	0,22	0,22
+ Máy khác	%	5	5	5

Ghi chú:

- Việc dự kiến chủng loại và số lượng máy sử dụng phải được thể hiện trong nhiệm vụ khảo sát được duyệt, phù hợp với định mức được quy định trong Bảng số 3 Định mức máy sử dụng phục vụ công tác khảo sát.

- Đối với dự án mở rộng hoặc nâng cấp thì định mức được nhân hệ số 1,2.

2.3.2. Chi phí đi lại, ăn ở của chuyên gia; công tác phí (đối với trường hợp tự thực hiện) nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

2.3.3. Chi phí cho đối tượng cung cấp thông tin: là chi phí chi trả cho tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin khảo sát; được áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành.

2.3.4. Chi phí văn phòng phẩm, hội nghị, hội thảo được xác định bằng 10% trên chi phí chuyên gia.

2.3.5. Chi phí khác được xác định bằng cách lập dự toán hoặc bằng định mức chi phí tỷ lệ theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

2.4. Thu nhập chịu thuế tính trước: Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng 6% trên chi phí chuyên gia, chi phí quản lý và chi phí khác.

2.5. Thuế giá trị gia tăng: Được xác định phù hợp với từng loại công việc tư vấn theo quy định.

2.6. Chi phí dự phòng: Là khoản chi phí cho những phát sinh trong quá trình thực hiện công việc tư vấn. Chi phí dự phòng xác định tối đa không quá 10% so với toàn bộ các khoản mục chi phí nói trên.